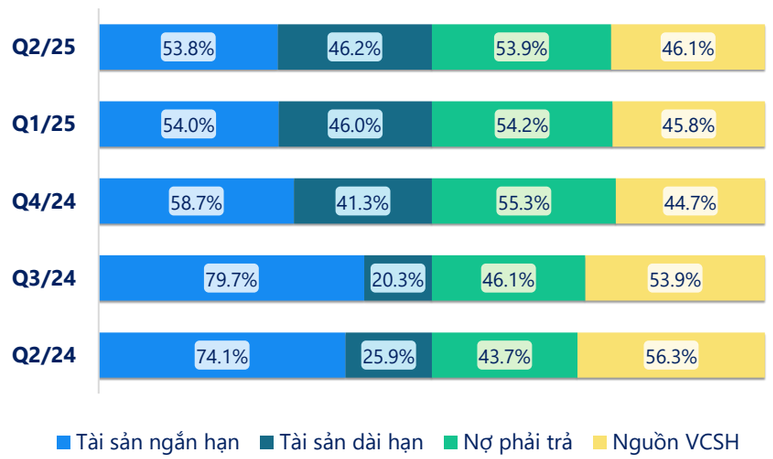
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HSX: ACC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	14,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,400
SL cổ phiếu LH	104,999,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)	176,202
% sở hữu nước ngoài	7.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,475
P/E	28.8
EPS	488

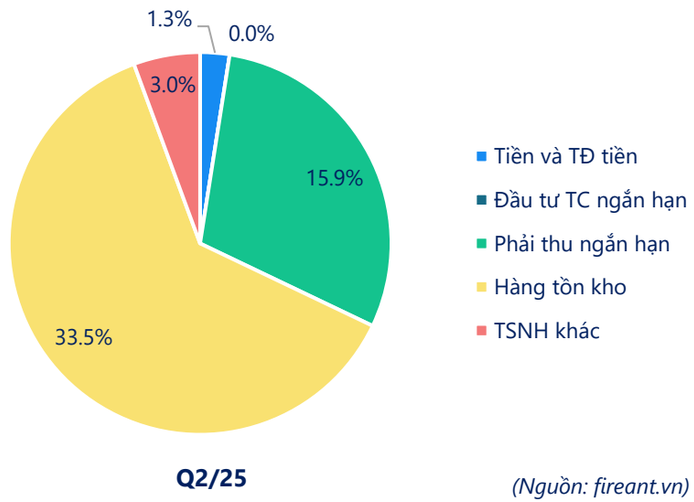
	YTD	1T	3T	6T
ACC	-4.1%	-1.7%	-4.4%	-1.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



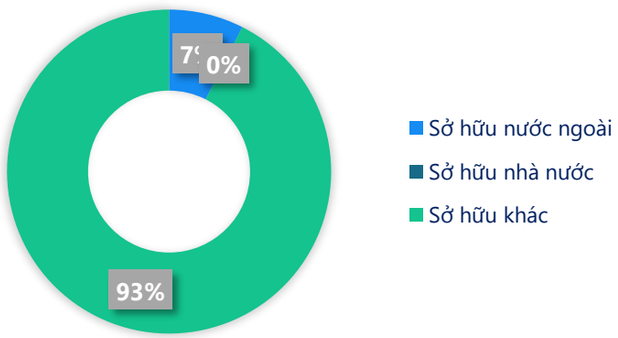
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



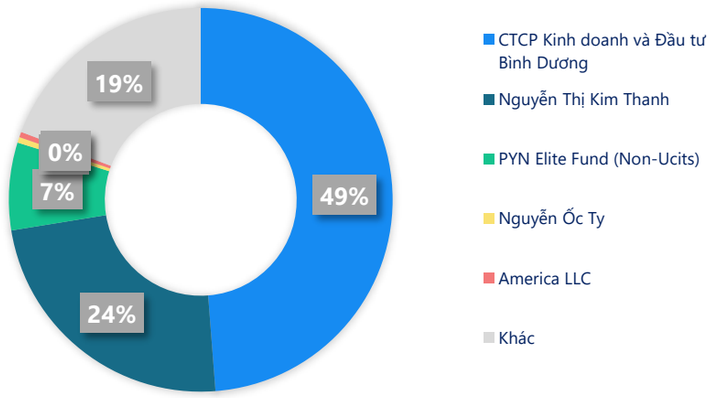
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



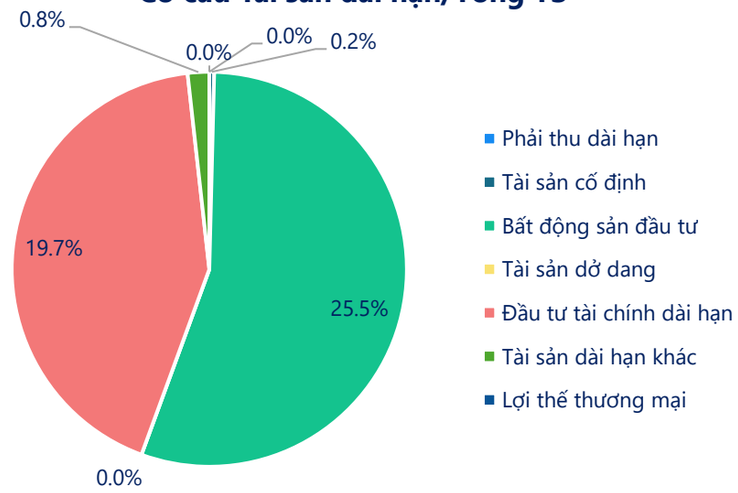
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

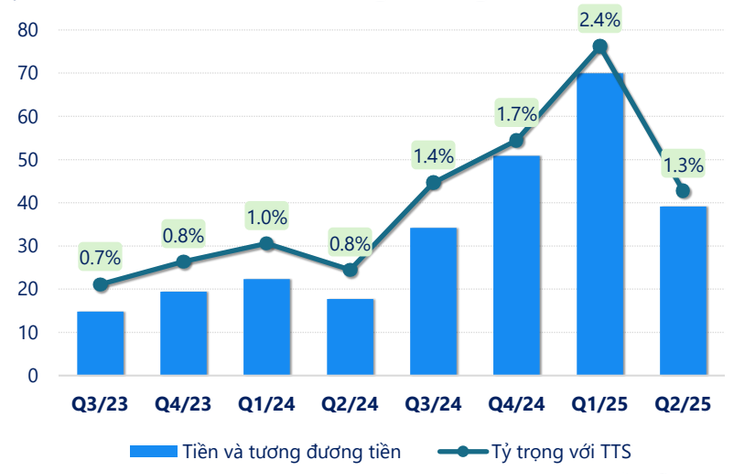


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

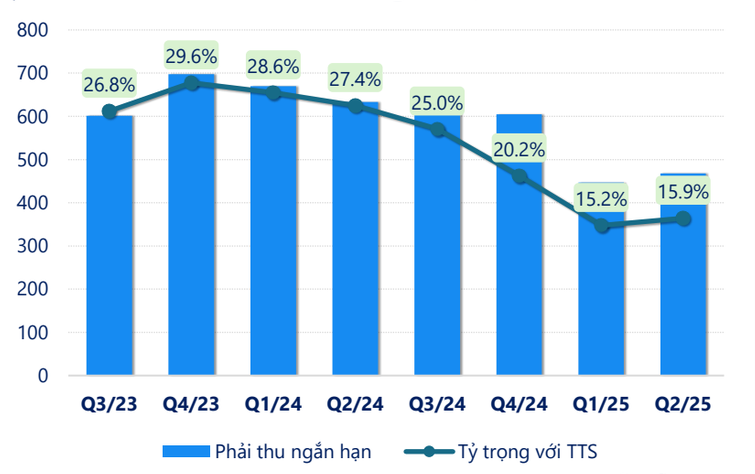
CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HSX: ACC)

Tiền và tương đương tiền



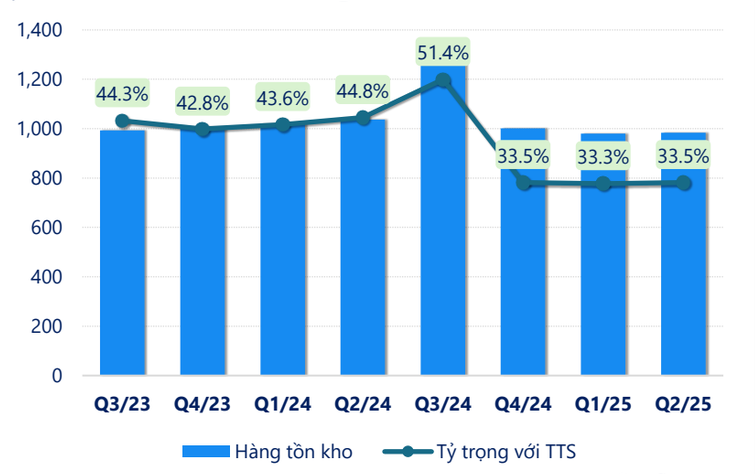
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



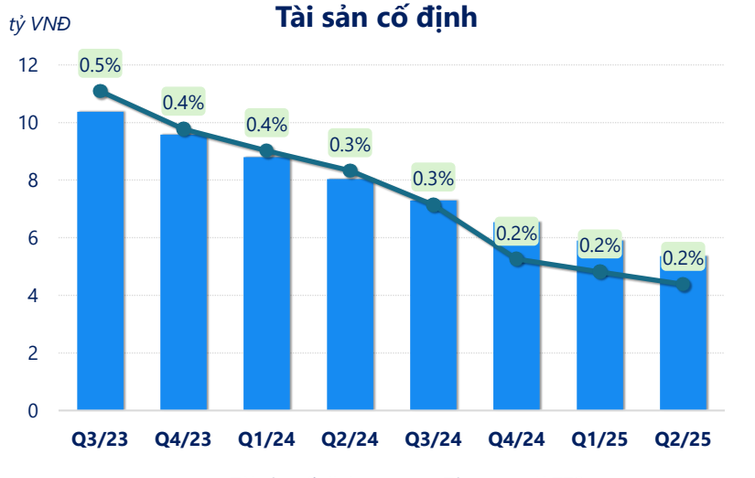
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



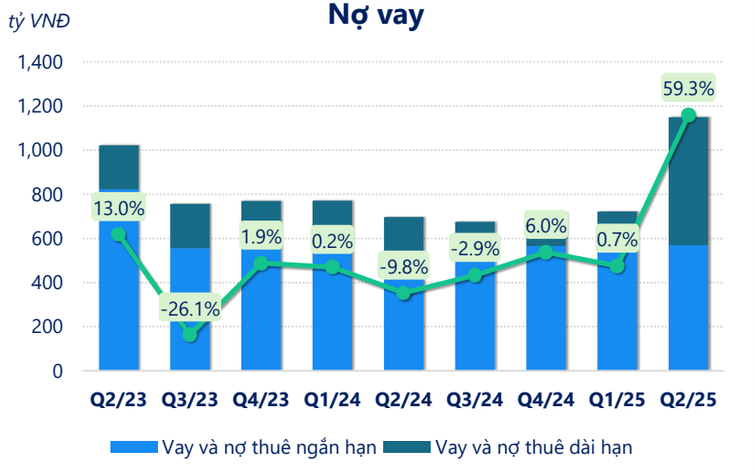
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



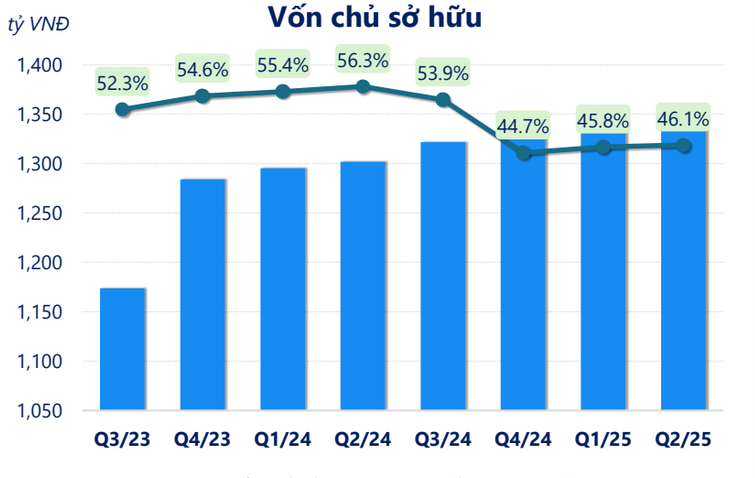
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

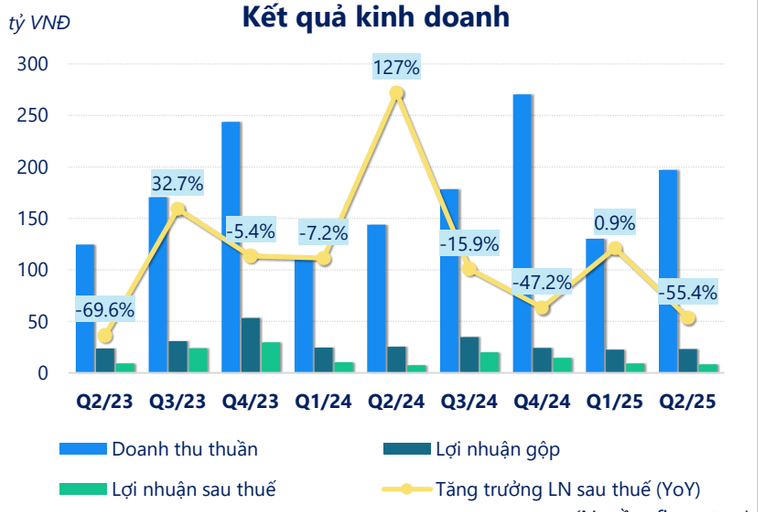


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

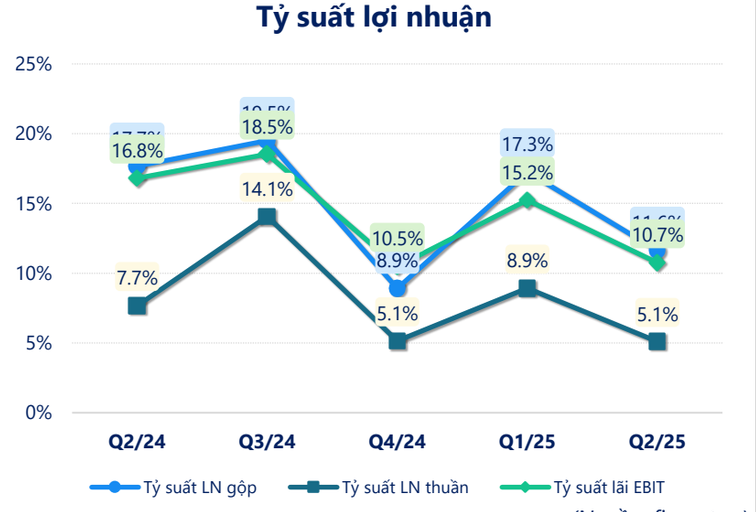
CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HSX: ACC)

Kết quả kinh doanh



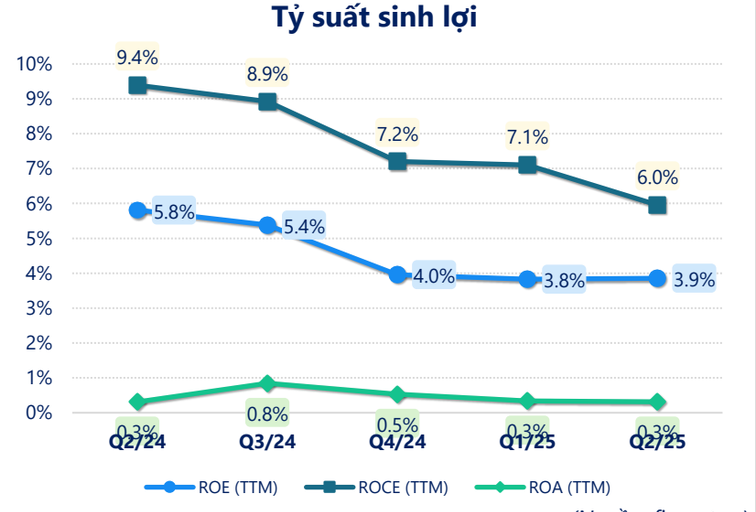
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



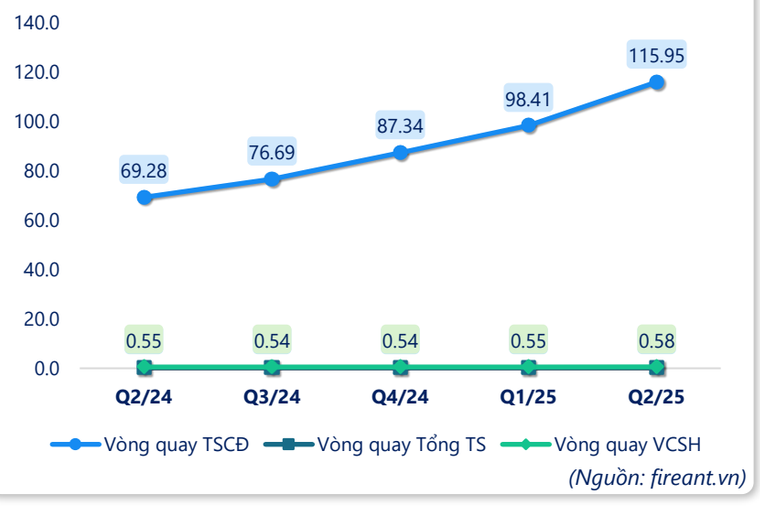
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



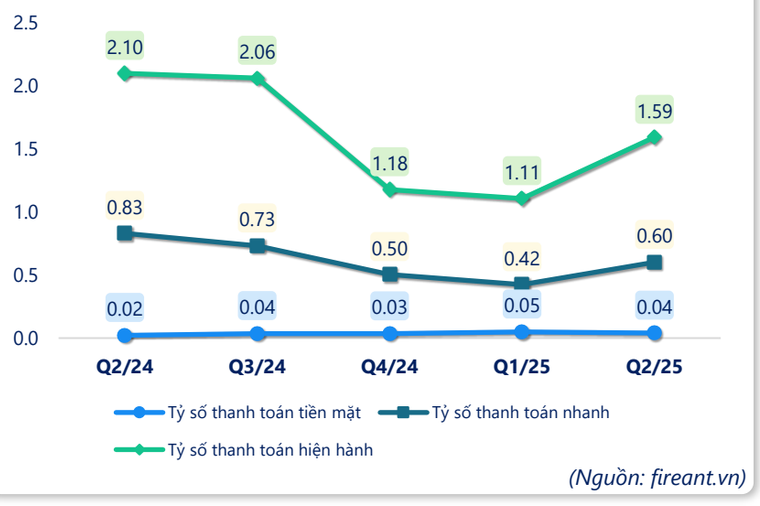
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



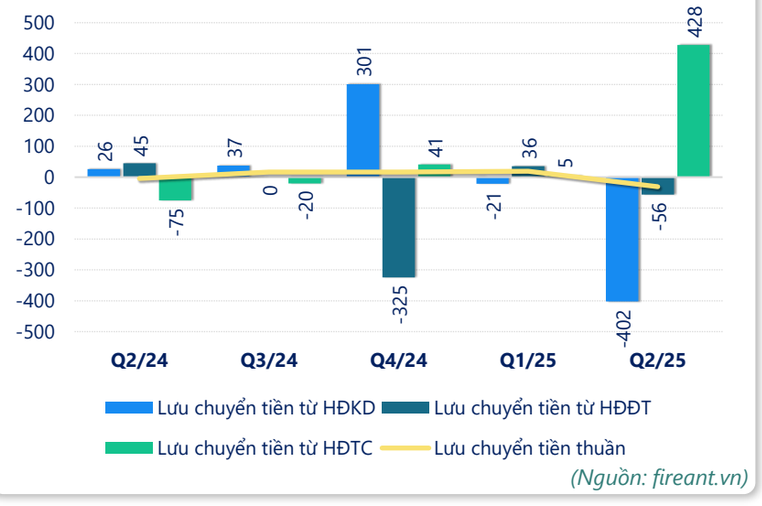
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HSX: ACC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,934**	**2,987**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,579	1,753	-9.9%
Tiền và tương đương tiền	39.1	50.8	-23.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	468	604	-22.6%
Hàng tồn kho	983	1,002	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	88.8	95.9	-7.3%
Tài sản dài hạn	**1,355**	**1,235**	**9.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.36	6.54	-18.1%
Bất động sản đầu tư	748	0	
Tài sản dở dang	0	740	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	578	464	24.6%
Tài sản dài hạn khác	**23.9**	**24.5**	**-2.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,581	1,651	-4.2%
Nợ ngắn hạn	**992**	**1,490**	**-33.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	569	565	0.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	338	797	-57.5%
Nợ dài hạn	589	161	265%
Vay và nợ thuê dài hạn	580	152	282%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,353**	**1,337**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,353**	**1,337**	**1.3%**
Vốn điều lệ	1,050	1,050	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	144	178	270	130	197
Giá vốn hàng bán	118	144	246	108	174
Lợi nhuận gộp	25.4	34.8	24.1	22.5	23.0
Doanh thu HĐTC	4.59	2.66	3.04	1.76	1.04
Chi phí TC	12.8	8.11	10.4	8.36	10.7
Chi phí lãi vay	12.8	8.11	10.4	8.36	10.7
LN trong công ty LKLD	-1.25	0	1.25	0	0
Chi phí bán hàng	1.73	1.03	0.64	1.72	1.06
Chi phí QLDN	3.22	3.22	3.46	2.54	2.19
LN thuần từ HĐKD	11.0	25.1	13.9	11.6	10.1
Lợi nhuận khác	0.38	-0.15	4.07	-0.14	0.44
LN trước thuế	11.4	24.9	18.0	11.5	10.5
Lợi nhuận sau thuế	7.50	19.9	14.5	9.16	8.39
LNST của CĐ cty mẹ	7.51	19.9	14.3	8.92	8.19

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.0	36.9	301	-21.3	-402
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	44.8	-0.28	-325	35.6	-56.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-75.4	-20.2	40.8	4.88	428
Tiền đầu kỳ	22.3	17.7	34.2	50.8	70.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.64**	**16.5**	**16.7**	**19.1**	**-30.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.7	34.2	50.8	70.0	39.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic